

MOTIF NHÂN QUẢ BÁO ỨNG TRONG VĂN XUÔI SINH THÁI VIỆT NAM ĐƯƠNG ĐẠI TỪ GÓC NHÌN PHẬT GIÁO

TRẦN THỊ ÁNH NGUYỆT*
TRẦN LÊ HỒNG PHÚC**

Trong bối cảnh khủng hoảng môi trường hiện nay, việc quay trở lại quan niệm “kính úy sinh mệnh” của Phật giáo là một cách thay đổi hành vi cứu nguy môi trường. Phật giáo với giáo lý nhân quả - báo ứng là một phương pháp giáo dục luân lý đạo đức thiết thực, thực tiễn. Sự tương hợp nội tại giữa giáo lý Phật giáo với văn xuôi sinh thái đương đại đã tìm về những giải pháp cụ thể về mặt tâm hồn, tình cảm cho việc sống dung hòa sinh thái và bảo vệ vạn vật. Trong bài viết này, từ những gợi dẫn của giáo lý nhân quả báo ứng trong giáo lý Phật giáo, chúng tôi phân tích motif cốt truyện trừng phạt và motif cốt truyện quả báo trong văn xuôi sinh thái Việt Nam đương đại.

Từ khóa: chủ nghĩa nhân văn sinh thái, văn xuôi sinh thái đương đại, khủng hoảng sinh thái, Phật giáo

Nhận bài ngày: 5/3/2020; đưa vào biên tập: 25/12/2020; phản biện: 4/1/2021; duyệt đăng: 7/3/2021

1. DẪN NHẬP

Thế kỷ XXI sẽ là thế kỷ con người phải đối mặt với nhiều nguy cơ sinh thái nhất. Vấn đề khủng hoảng môi trường không phải vấn đề của mỗi quốc gia dân tộc nữa mà là vấn đề của toàn nhân loại. Theo Cheryll

Glotfelty (1996), vấn đề môi trường được các sử gia, các nhà tâm lý học, các triết gia và các nhà hoạt động tôn giáo đặt ra từ những năm 1970. Các tôn giáo phương Đông được coi là “hệ thống tôn giáo chứa đầy các tín điều sáng suốt về tự nhiên và thế giới tinh thần” (Glotfelty, 1996); và việc tìm về với các tư tưởng, tôn giáo, triết học phương Đông có thể tìm ra phương

*, ** Trường Đại học Duy Tân.

pháp giải quyết nguy cơ sinh thái (Trần Hải Yến, 2014). Nguyễn Thị Tịnh Thy (2017) cũng cho rằng thần học sinh thái là một tư tưởng quan trọng của lý thuyết sinh thái. Trong đó, Phật giáo với tư tưởng “vạn vật bình đẳng”, coi con người hay giới vô tình đều có Phật tính đã tạo nên một nền tảng tư tưởng vững chắc cho việc tái thiết sinh thái.

Các tu sĩ Phật giáo cho rằng nguồn gốc của khủng hoảng sinh thái là do “con người rất tham lam, u mê, độc ác” (Thích Trí Siêu, 2008: 3); con người cho rằng mình có trí tuệ nên có thể điều khiển trái đất theo ý muốn, nhưng thực tế, con người chỉ là một phần bé nhỏ trong hệ sinh thái, nếu không tỉnh thức để điều khiển hành vi, nền văn minh của loài người sẽ là “nền văn minh không thể chế ngự”. Trong thời đại khủng hoảng môi trường, cùng với các tư tưởng sinh thái phương Tây hiện đại giáo lý Phật giáo được tập hợp trong *Đạo Phật và môi trường* (Nhiều tác giả, 2010) cho thấy tư tưởng Phật giáo đương đại cảnh tỉnh về tình trạng trái đất đang lâm nguy... Cuộc đối thoại giữa Daisaku Ikeda và Aurelio Peccei rung lên hồi chuông cảnh tỉnh cho thế kỷ XXI (Ikeda và Peccei, 1993), “cảnh tỉnh để lo tu tập và cứu nguy môi trường” (Thích Trí Siêu, 2008), để cầu về mối tương duyên tương sinh của muôn loài trên trái đất của Thích Nhất Hạnh (Thích Nhất Hạnh, 2014). Văn học sinh thái nổi lên khi vấn đề biến đổi khí hậu, sự xuống cấp về môi

trường ảnh hưởng đến toàn bộ sự sống trên trái đất. Văn học sinh thái (Ecoliterature) (hay còn gọi Văn học sinh thái học (Ecological Literature), Văn học môi trường (Environmental Literature), Văn học xanh (Green Literature), Lối viết tự nhiên (Nature Writing)) chú trọng đến trách nhiệm của con người đối với môi sinh, kêu gọi bảo vệ vạn vật và duy trì cân bằng sinh thái. Trong văn xuôi sinh thái Việt Nam đương đại, có nhiều cây bút sáng tác mang đặc trưng của triết lý sinh thái theo tư tưởng nhân quả báo ứng của Phật giáo: Nguyễn Huy Thiệp, Nguyễn Trí, Hoa Ngõ Hạnh, Triệu Hoàng Giang, Bùi Ngọc Tấn, Nguyễn Bình Phương, Đào Thắng, Sương Nguyệt Minh... Qua đó, chúng tôi nhận thấy rằng: sự gặp gỡ của các nhà văn sinh thái với tư tưởng nhân quả báo ứng của Phật giáo cho thấy từ xưa đến nay vẫn có một nguồn mạch thông suốt trong chiều sâu mạch cảm về những cảnh tỉnh để cất lên tiếng nói mạnh mẽ cứu nguy môi trường, qua đó cảnh tỉnh nghiêm khắc về sự oan oan tương báo tàn khốc khi con người sát hại các loài động vật.

Tư tưởng nhân quả báo ứng của Phật giáo vốn thể hiện qua hành vi cư xử, qua lựa chọn cách sống thiện lành ở người Việt xưa. Người xưa ý thức được rằng gieo trồng nhân lành thì sẽ nhận được quả lành, nếu gây tạo những nghiệp nhân ác thì sẽ chịu những nghiệp quả khổ đau và bất hạnh. Trong Phật giáo, nhân quả thường được phân loại theo thời gian

với ba loại: hiện báo (nghiệp nhân trong đời này đưa đến quả báo ngay trong đời này), sanh báo (tạo nhân ở đời này nhưng đến đời sau mới nhận quả), hậu báo (tạo nhân trong đời này nhưng đến nhiều đời sau mới thọ quả báo) (dẫn lại theo Trí Quang: 57).

Dựa vào diễn trình thời gian và sự thọ báo của nhân quả trong quá trình hành tác, chúng tôi chia nhân quả báo ứng trong văn xuôi Việt Nam đương đại thành motif trừng phạt và motif báo ứng. Nếu ở motif trừng phạt chỉ một mình đối tượng làm ác lãnh hậu quả, thì ở motif báo ứng có thể không tác động trực tiếp lên người có hành động ác (không trực tiếp nhận quả báo), mà có thể tác động tới người thân trong gia đình, bà con họ hàng, để rồi họ nhận ra chân lý nhân sinh từ việc làm tội lỗi của mình và sống suốt đời trong nỗi dằn vặt, đau đớn khôn nguôi (sanh báo, hậu báo).

Nếu hiểu “Motíp là các đơn vị cố định thể hiện một nội dung nào đó được sử dụng nhiều lần là một hiện tượng phổ biến không chỉ trong văn học dân gian mà cả trong văn học viết” (Trần Đình Sử, 1981: 134) thì có thể phân motif thành bốn loại tiêu biểu: motif hình ảnh, motif chủ đề, motif nhân vật, motif cốt truyện. Ở đây, chúng tôi chỉ đi sâu tìm hiểu motif cốt truyện. “Motif cốt truyện là kiểu motif tiêu biểu cho các tác phẩm tự sự và kịch vốn chứa đựng nhiều hành động. Nhiều motif cốt truyện có tính phổ quát và thường thấy có sự lặp lại: nhận thức và bừng ngộ, thử thách và trừng phạt” (Lại

Nguyên Ân, 2017: 210). Nghiên cứu motif nhân quả báo ứng trong cốt truyện đi sẵn (*Nơi hoang dã đồng vọng* của Sương Nguyệt Minh), từ cái nhìn Phật giáo là tìm hiểu sự trở về với nhận thức truyền thống để tái thiết sinh thái trong văn chương. Sự gặp gỡ của các nhà văn sinh thái với tư tưởng Phật giáo đã góp phần tác động vào tình cảm người đọc, khiến người đọc có trách nhiệm hơn với môi trường. Đồng thời, cảnh tỉnh về sự oan oan tương báo mà con người gây ra không chỉ trực tiếp với động vật, mà gián tiếp thành ra hại chính mình.

2. MOTIF CỐT TRUYỆN TRỪNG PHẠT

Trừng phạt là sự nhận hậu quả/quả báo từ những việc làm bất nhân trước đó. Khi con người mong muốn về sự công bằng, một chỗ dựa tinh thần trong lúc khốn khổ/tuyệt vọng nhưng không có khả năng, không có quyền hạn để xử lý, người ta tìm đến và đặt niềm tin vào các thế lực siêu nhiên, các hiện tượng không giải thích được... Khi xây dựng các nhân vật đi sẵn, văn xuôi sinh thái đương đại đề cập đến nhiều tình huống nhân vật phải chịu trừng phạt.

Trong truyện ngắn *Nơi hoang dã đồng vọng* (Sương Nguyệt Minh, 2005) hầu hết tất cả các nhân vật đều bị quả báo. Bố Lại làm nghề bắt rắn, trong một lần chăm con, vì sơ ý ông để sống mọt giở rắn vừa bắt được. Đau thay, “tối nhập nhoạng, vợ ông vào góc bếp lấy muối. Đạp phải cái gì đó tròn, lạnh, bà giật nảy chân ra.

Mới kịp kêu: “o... oái”, con rắn đã quăng mình đớp vào tay. Vợ ông thót tim, ngã dúi dụi. Con mèo cái tam thể nhà nuôi lại ngoạm tiếp vào cổ chân” (Sương Nguyệt Minh, 2005: 67). Một tuần sau vợ ông chết trong khi cái thai trong bụng đã to đùng. Anh học trò được truyền nghề bắt rắn, cũng bị rắn cắn đến nỗi phải chặt luôn ngón tay “nó mà đớp vào ngón chân ngón tay nào của mình là phải chặt luôn ngón ấy. Đây cô xem. Ngón tay cái này bị rắn lục cắn hôm đi bắt ở núi Bạch Bát. Viên thuốc mang theo rơi đâu mất. Ở quanh cũng không thấy lá thuốc. Tôi đành phải kê ngón tay lên đá... chặt” (Sương Nguyệt Minh, 2005: 63). Bà chủ nhà hàng bị rắn cắn, phải cưa chân mới giữ được mạng sống. “Bà chủ không chết, nhưng chân bị rắn cắn cứ teo dần. Bà nằm bẹp, đành phải để nhà hàng Tiểu Hồ cho chồng và chị quản bếp lo liệu... Cái mồm bị cắt cụt đang tím dần, thịt chết, bẹ vào không thấy đau” (Sương Nguyệt Minh, 2005: 57).

Trong cốt truyện đi săn, chúng ta nhận thấy, không chỉ các nhân vật săn bắn những loại động vật ăn thịt (heo rừng, gấu, chim...), những động vật lấy vật phẩm (ngà voi, sừng tê giác, gạc hươu nai...) mà còn có cả những loài vật bé nhỏ, có ích như ong. Theo các nhà khoa học, côn trùng chiếm khoảng 80% hệ động vật trên trái đất. Loài côn trùng cũng là loại động vật góp phần cân bằng hệ sinh thái. Ong hút mật và thụ phấn cho hoa, sự phát triển của hệ thực vật phụ thuộc vào sự

chăm chỉ của loài ong. Do vậy, những người có trách nhiệm với sinh vật của rừng đều phản đối việc tiêu diệt loài côn trùng có ích này. Đó cũng là lý do mà những truyện về loài vật này chiếm số lượng nhiều. Theo triết lý Phật giáo sát sinh là hành động mang đến hậu quả không chỉ về thể xác và tinh thần mà còn ảnh hưởng đến môi trường sống xung quanh, con người cần phải bảo vệ từng sinh mạng dù nhỏ như con ong, cái kiến vì “một sinh mạng dù thấp kém thế nào đi chăng nữa trên thế giới này đều nên có một chỗ đứng của riêng mình” (Viên Đường Hân, Tạ Chí Cường, 2014: 177).

Lương tâm, đạo đức nghề nghiệp khi hành nghề là quy phạm trong thế giới của những tay thợ săn ong – loài vật có ích cho hệ sinh thái rừng. Họ cho rằng tuân thủ nguyên tắc này sẽ không bị trời tru đất diệt, ngược lại, tái phạm nguyên tắc này thì hậu quả không thể lường được. Tấn trong *Linh hồn ong chúa* (Hoa Ngõ Hạnh, 2011) nhận lấy sự trừng phạt tàn khốc khi cố tình săn tổ ong, “rơi từ độ cao tám mét” xuống đất, không những vậy còn bị gấu mật phục thủ dưới đất “Con gấu ngựa nặng cỡ vài tạ. Nó đứng thẳng lên bằng hai chân sau chăm chăm giận dữ. Nhanh hơn chớp, tay phải nó giáng một cú tát trời đánh. Nó hộc lên một tiếng kinh người. Thân hình vài tạ đen trũi xoay ngược chồm lên phủ trọn sinh vật mất nằm ngang hay giành khẩu phần ong của nó. Bấy giờ đã là cuối chiều. Rừng núi quạnh

hiu...” (Hoa Ngô Hạnh, 2011). Cái chết của Tấn là sự cảnh tỉnh về lương tâm làm nghề, nguyên tắc, đạo lý của nghề ăn ong là tuyệt đối không được giết ong chúa. Nếu phạm vào việc giết ấu chúa thì bị quy kết là trọng tội. Nếu người lấy mật bỏ qua lương tâm nghề nghiệp, đạo đức hành nghề, ra tay tàn sát một cách bạo ngược, bắt lương thì chắc chắn án tử sẽ treo lên đầu, như Tấn.

Quan điểm ấy thể hiện rõ trong *Sinh nghề tử nghiệp* (Nguyễn Trí, 2016). Nhân vật Bảy Bền cũng là một tay cự phách, từ gửi măng, chặt lò ô, hái trái ươi từ những cây cổ thụ không ai dám leo... cho đến việc lấy mật ong “phá nhà cướp của nhà người”. Người anh em từng mang ơn cứu mạng của Bảy Bền đã từng khuyên: “Mày chỉ biết cái lợi trước mắt mà không biết cái nguy hại về sau. Con ong cái kiến hay bắt cứ một sinh linh nào có sự sống là có quyền tồn tại như tao và mày. Một cái cây cũng có linh hồn của nó”. Nhưng Bảy Bền đã gạt phăng đi “tao làm gì kệ mẹ tao, rủ mày đi kiếm tiền không đi thì thôi đừng có dạy khôn tao”. Hằng ngày, gã vẫn tiếp tục với mỗi lợi hợm hĩnh từ việc đốt tổ ong lấy mật, giết không biết bao nhiêu sinh vật, từ ong non, trứng, ong chúa, ong thợ... đến những loài ai cũng khiếp sợ như ong vò vẽ, ong lỗ, gã cũng có cách để lấy được mật. Rõ ràng Bảy Bền không sợ, trong tâm khảm của gã không có bất kỳ suy nghĩ gì về việc giết hại là tội lỗi. Và rồi, điều gì đến sẽ đến, thế mới biết “lưới trời lồng lộng, tuy thưa

nhưng khó lọt”. Bảy Bền chết vô cùng thảm khốc, trong một lần săn mật bòn chót cú cuối trước khi mùa mưa về. Trong lúc leo lên cây ươi cao cổ thụ, vẫn những món nghề, và thứ nhang thần thánh với bí quyết nhà nghề riêng đuổi ong của Bảy Bền đã giúp gã leo lên đến tận tổ ong lớn. “Đóng đến cây đỉnh thứ ba mươi, nghĩa là độ cao áng chừng mười lăm mét thì sự cố đến. Trượt chân chẳng? Không. Dây thắt lưng bị đứt? Không. Dây cáp dù bẹ ba xịn đứt sao được. Vậy thì cái gì? Trời hại”. Thật là trời hại, vì trời bỗng dưng đổ mưa, mưa làm tắt những cây nhang thần thánh của Bảy Bền. “Về sau mấy thằng chuyên ăn ong kể rằng, thông thường khi mưa đến ong sẽ lùi về để bảo vệ tổ và ong chúa. Nếu vậy thì Bảy Bền đủ thời gian để tuột xuống và chạy. Nhưng không hiểu sao bầy ong ào vào Bảy và tấn công”. Bảy Bền chết trên cây, không một ai dám leo lên, hoặc xâm nhập hiện trường để xem tình hình, chỉ có Minh Tàn đã can đảm leo lên và đem xác lạnh cồng của Bảy Bền xuống. “Thật khủng khiếp. Một người chết đang lơ lửng trên không”. Ấu đó cũng là cái quả mà gã phải gánh chịu vì những hành động tàn ác của mình. Bằng trải nghiệm cá nhân, các nhà văn đã khắc họa những cái chết thảm khốc, “ăn của rừng, rưng rưng nước mắt”.

Tác giả Hoa Ngô Hạnh lại gắn ngòi bút của mình với thế giới tự nhiên hoang dã miền Trung. Các tác phẩm *Mưa đỉnh núi xa, Con gấu già trong*

thung lũng trại Xai, Linh hồn ong chúa... thể hiện motif trừng phạt rõ ràng. Hai anh em Xuân và Thu trong *Mưa đình núi xa* (2007) vô tình bị cuốn theo chuyến đi săn voi của lão Sáu Chước và rồi hứng chịu quả báo, bằng chính mạng sống của chính mình. Viên đạn nhắm vào đàn voi lại nhằm vào Thu. “Trên nền đất nhóp nhép Thu đang co mình ôm đùi vật vã. Viên đạn lạc phá một mảng lớn gần bằng quang. Máu ra như suối... khiêng về trại, đến gần sáng thì tắt thở. Khuôn mặt Thu nhăn rúm và thảm hại” (Hoa Ngõ Hạnh, 2007). Có một số nhân vật thợ săn may mắn không chết nhưng thương tật đến suốt đời. Ông Bảy (*Con gấu già trong thung lũng trại Xai*, 2008), vì nóng lòng trả thù con gấu già đã giết chết con trâu, nên đã nhào lên định kết liễu con gấu (khi nó sập bẫy) thì bất ngờ bị nó tấn công. “Cú tát cực mạnh của con gấu ngựa già móc vào mắt phải, bứt toạt lỗ tai, xé rách một mảng da mặt bên phải ông Bảy. Ông nằm co trên đám lá nàng nàng dập nát máu chảy ròng ròng, nửa mặt còn lại xanh hơn tàu lá chuối”. “Dường như đó chỉ là hành động cảnh cáo. Không có động cơ trả thù. Con gấu già hiên ngang phóng vụt đi”. Thiên nhiên vốn bao dung và khoan hòa. Sức mạnh của loài vật nằm ở chỗ biết đủ, biết dựa vào nhau mà sống như loài ong chăm chỉ hút mật, con gấu ngựa ăn ong và bảo vệ ong chúa, nó không bao giờ ăn ấu chúa. Cái tát trừng phạt của con gấu già như một lời nhắc nhở.

Các câu chuyện tuy khác nhau về bối cảnh, nhân vật, tình huống, nhưng đều giao nhau ở một điểm chung đó là motif trừng phạt. Gieo nhân nào thì sẽ gặt quả nấy, không sớm thì muộn và với các cách thức khác nhau. Mỗi cái kết thúc đều có điểm nhấn riêng, ấn tượng riêng nhưng đều để lại bài học cho người đọc suy ngẫm về thế giới của sự công bằng, của lẽ phải, “làm ác phải đền tội”.

3. MOTIF CỐT TRUYỆN QUẢ BÁO

Cũng như motif trừng phạt, motif quả báo cũng xuất hiện rất nhiều trong văn xuôi sinh thái Việt Nam. Tuy cũng có nét tương đồng với nhau, song nếu nói motif trừng phạt là một dòng thác ào ạt đổ xuống thì quả báo lại như nước khe róc rách, âm ỉ chảy và rồi xói mòn đá lúc nào không hay. Ở motif trừng phạt, số phận người làm ác trực tiếp bị trừng trị thì motif quả báo giúp nhận thức rằng dù sớm hay muộn, dù trực tiếp hay gián tiếp người làm ác chắc chắn phải chịu tội. Nhân vật “hắn” trong *Sâm cầm Hồ Tây* (Sương Nguyệt Minh, 2005) là một minh chứng. Vì món lợi từ việc săn sâm cầm cho lão chủ quán tai chuột, hắn bỏ ra không biết bao nhiêu công sức, thủ đoạn, và bỏ ngoài tai lời khuyên: “Cha nhìn thấy cảnh đánh bắt Sâm cầm, cha đau lòng lắm”. Con của hắn - “thằng Cò thọt”, “đã bảy tuổi rồi mà thằng Cò vẫn không nói được, bước đi thập thễnh” (Sương Nguyệt Minh, 2005: 142). Ấy vậy, mà hắn vẫn không nhận ra quả báo. Sâm cầm quý nhất ở “đôi chân màu lục

ánh chi”. Chính vì thế mà “sâm cầm Hồ Tây càng thưa dần. Sâm cầm càng hiếm lại càng đắt và dĩ nhiên săn bắt cũng khó hơn”. Và “những cuộc săn bắt với hần không còn là thư giãn, là thú vui nữa mà là kiếm tiền...” (Sương Nguyệt Minh, 2005: 143). Một hôm, mãi mê theo đuổi sâm cầm, hần lạc vào trận đồ bát quái của sương giăng: “thuyền đầy nước, bị mất mái chèo, không thấy thằng Cò, cũng chẳng thấy khẩu súng săn đâu”. Kể từ đó, sâm cầm, chim chóc chẳng về, “quán lão tai chuột đóng cửa im ỉm. Mặt hồ vắng, chỉ thấy gió hoang đuổi nhau trên mặt nước. Vợ hần lặng câm đi ra đi vào như cái bóng. Cứ chiều chiều, người ta lại thấy hần đứng lặng nhìn ra mặt hồ” (Sương Nguyệt Minh, 2005: 145), gương mặt hần sâu nổi đau, nổi day dứt, ân hận. Đó là quả báo.

Ở motif này, người đọc cảm nhận hàm ý “đời cha ăn mặn, đời con khát nước” của tác giả.

Những hành động sát hại muôn loài dẫn đến quả báo lên thế hệ sau xuất hiện dày đặc hơn trong các sáng tác. Trong *Nghiệp rừng* (Triệu Hoàng Giang, 2016), Bàn Văn Dần là nhân vật săn bắn thú thiện nghệ, nhiều kinh nghiệm với nghiệp đi săn thú nhưng người vợ “hay mơ gặp nhiều ác mộng, mơ thấy hổ, thấy những con thú về đuổi nó”. Còn thằng Phin buổi sáng lại lên cơn, “nó chạy khắp các bờ ruộng tìm nơi ẩn nấp. Trong đầu nó đâu đâu cũng thấy những con lợn rừng, hươu, gấu... đuổi theo tìm nó, cắn xé rồi

những tiếng kêu văng vẳng trong đầu nó mỗi lúc một lớn hơn. Nó bịt tai chạy khắp các thửa ruộng, lâu lâu lại nấp vào bụi rồi lại chạy” (Triệu Hoàng Giang 2016: 10). Bản thân Bàn Văn Dần cũng nghe những thứ âm thanh như tiếng khóc thút thít, không phải tiếng người trên đỉnh Khâu Săm. Bỏ ngoài tai lời khuyên “nên dừng lại thôi”, và một ngày không xa, gã đi săn đã bắn nhầm vào anh Sinh – anh trai – với “vết bắn giữa trán không lệch một phân...”. Bị xét xử với tội danh vô ý giết người, Bàn Văn Dần đi tù. Một gia đình thợ săn tan nát, khổ đau. Hay như cha của Tuệ anormal trong *Tre nở hoa* (Quế Hương, 2004) vì bắt chó, giết chó hàng chục năm trời để kiếm sống, cuối cùng lại hóa chó “Sáng ấy không nghe ông quát tháo. Nhìn qua giường ông, tôi thấy ông ngồi chồm hồm, giơ chân gãi kịch liệt rồi thè lưỡi liếm người... Ông như bị chó nhập, mỗi ngày thêm giống chúng từ điệu bộ đến dáng vẻ. Sáng nay, ông dậy, làm động tác rùng rùng lắc lắc như rừ lông rồi đi ra vườn. Tôi đi theo ông, thấy ông ghéch chân lên cây cau đá rồi vực mặt xuống thau nước cạnh đó uống và đi ra cổng... Tôi kêu toáng lên. Cả nhà đổ ra, chứng kiến cha tôi băng qua đường ở vạch trắng hần hỏi nhưng bằng bốn chân, lưỡi thè ra...” (Quế Hương, 2004: 340). Đó là quả báo hiện tiền cho những ai nhẫn tâm đối với loài vật, kể cả những con vật được thuần chủng trong nhà, bởi vốn dĩ nó không chỉ là vật nuôi mà còn là người bạn của con người.

Giết hại tàn ác muôn loài chính là sự bức tử cho gia đình mình. Kính sợ uy linh của rừng nếu không sẽ bị quả báo cũng chính là thông điệp trong tác phẩm *Sói trả thù* (Nguyễn Huy Thiệp, 1995). Nếu ông Nhân đã từng dồn lũ sói vào bưng đường cùng, khiến gia đình sói bị chết, bị chia phân tứ tán, ông cố thuần hóa một sói con và một ngày thằng San tròn mười ba tuổi, vì bất cẩn mà bị con sói nuôi cắn chết. “Con chó sói như điên dại không buông tha thằng bé (...). Người ta vất vả lắm mới kéo được con sói ra” (Nguyễn Huy Thiệp, 1995: 29). Ông Nhân bưng tỉnh quyết định chặt đứt dây xích trả con sói về lại rừng. Ông nhận ra quả báo và trân quý sinh mệnh muôn loài, “hãy biết sợ rừng”.

Trong *Con thú lớn nhất* (Nguyễn Huy Thiệp, 1995) “Lão thợ săn như là hiện thân thần Chết của rừng” (Nguyễn Huy Thiệp, 1995: 12). “Lão không tha bất cứ con vật nào trong tầm súng của mình”. Đằng sau nhà lão, lông chim, xương thú chất đầy thành đống. Những đống lông chim xơ xác đen xỉn như màu mực tàu, còn những đống xương thú màu đá vôi thì lốm đốm những vệt nước tủy vàng khè, hôi hám. Những đống ấy to như những cái mả” (Nguyễn Huy Thiệp, 1995: 12). Một ngày “Lão già giương súng lên: ‘Đùng!’ Phát súng nổ. Lão nghe thấy tiếng rú thất thanh. Lão chạy lại con thú bị bắn ngã. Đây là vợ lão. Mụ đi ra rừng đợi lão, tay mụ còn cầm bộ lông chim công” (Nguyễn Huy Thiệp, 1995: 14). Sự báo ứng cho tham vọng lớn

của lão chính là mạng sống của người thân. Song, cái chết của vợ chỉ làm lão tức thời hốt hoảng, lão “dùng xác vợ mình làm mồi nhử” để tiếp tục săn thú, “lão nằm trong bụi cây gần cái xác thối rữa của vợ lão một sai tay, đạn lên nòng, khắc khoải chờ đợi” (Nguyễn Huy Thiệp, 1995: 14). Nhưng “Ba ngày sau, người ta lôi cái xác còng queo của lão ra khỏi bụi cây. Một vết đạn xuyên qua trán lão. Lão đã bắn được con thú lớn nhất đời mình” (Nguyễn Huy Thiệp, 1995: 15). Lão quyết định chọn cách tự sát. Con đường kết thúc một sinh mạng đầy tội lỗi nhưng lại khai mở cho một tâm hồn trút bỏ được vết nhơ, rửa sạch được bàn tay nhuốm máu. Trong motif đi săn “khẩu súng” là biểu tượng cho văn minh công nghiệp, là sản phẩm trí óc của con người, đó cũng là sự khẳng định mức độ ưu việt hơn giữa con người với loài vật. Loài vật dưới sức ảnh hưởng của khẩu súng sẽ bị tàn sát thảm khốc hơn. Qua đó, ta thấy rằng thời đại phát triển, ý thức hệ của con người thay đổi, những sản phẩm của văn minh đã đẩy những sinh vật càng gần hơn với vực thẳm tuyệt chủng, nhất là những động vật hoang dã. Đây là hồi chuông cảnh báo cho việc sử dụng sản phẩm tiên tiến không phải để bảo vệ môi trường mà phục vụ cho những mục đích cá nhân, không chính đáng. Trong những nền văn minh tiền công nghiệp, đi săn vốn là hành động kiếm thức ăn duy trì sự sống. Ngày nay, khi nông nghiệp và chăn nuôi đã đảm bảo thức ăn cho loài người thì đi săn trở thành một thú

vui tàn sát “họ kéo cá vào sát mạn tàu, đập chết nó, thả xác xuống nước và lại câu con khác, lại quăng lưỡi câu có móc con mực nhỏ làm mồi ra mãi xa... Cứ như vậy. Họ câu không phải để bắt cá ăn mà để hưởng một thú vui tàn sát” (Bùi Ngọc Tấn, 2010: 23). Trong *Nơi hoang dã đồng vọng* Sương Nguyệt Minh miêu tả chi tiết sự tàn ác của chủ quán và cách thức ăn rừng rợn của thực khách: “bốn thực khách cười hô hô. ộc. ộc. Rượu tràn ly. Bốn vị cầm bốn thìa con mực. Mỗi lần thìa thọc vào óc con mèo, chân nó lại co lên” (Sương Nguyệt Minh, 2011: 55). Khi con người giết hại thiên địch của chuột, môi trường tự nhiên sẽ bị chúng tàn phá, “tiếp tay” hủy hoại môi trường tự nhiên sẽ phá hủy môi trường sống vì “thế giới sinh vật là một “dây chuyền sống” cực kỳ tế nhị và người ta không thể phá hủy một mắt xích trong dây chuyền này mà không bị trừng phạt” (Jacques Vernier, 2002: 12).

4. THAY LỜI KẾT

Trong văn học Phật giáo, motif báo ứng được khai thác triệt để nhằm đề cao giáo lý nhân quả. Motif quả báo, trừng phạt còn thể hiện tinh thần vạn vật bình đẳng, bình đẳng không chỉ giữa con người với con người mà còn giữa con người với muôn loài. Để giải quyết khủng hoảng sinh thái hiện nay, mỗi người cần có trách nhiệm với môi trường từ ngay trong tâm thức mình. Văn học và tôn giáo gần nhau ở điểm tác động trực tiếp vào tình cảm, tư tưởng, khiến mỗi người bừng tỉnh. Việc nghiên cứu motif cốt truyện trong cả văn xuôi sinh thái đương đại từ tư tưởng Phật giáo gợi mở sự tương hợp nội tại của văn học và tôn giáo trên con đường bảo vệ hệ sinh thái đang từng ngày bị tàn phá. Phật giáo với hệ thống tư tưởng nhân văn giáo dục con người từ bề sâu tâm linh có thể kết hợp cùng văn chương đương đại với các ngòi bút thực tiễn khiến người đọc có thêm chất liệu cần thiết, có thêm động lực mạnh mẽ để trung hòa một triết lý sống thích hợp. □

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Bùi Ngọc Tấn. 2010. “Tôi đi câu cá”, *Văn mới 5 năm 2006-2010*, Hà Nội: Nxb. Hội Nhà văn.
2. Glotfelty, Cheryll. 1996. “Nghiên cứu văn học trong thời đại khủng hoảng môi trường”, trong *Tuyển tập Phê bình sinh thái: Các mốc quan trọng trong sinh thái học văn học* (The Ecocriticism Reader: Landmarks in Literary Ecology, University of Georgia Press), Trần Thị Ánh Nguyệt dịch. *Tạp chí Sông Hương*, số 305.
3. Hoa Ngõ Hạnh (Nguyễn Minh Sơn). 2006. <https://www.vanchuongviet.org/index.php?comp=tacgia&action=detail&id=1263>, truy cập ngày 1/3/2021
4. Ikeda, D. và Peccei, A. 1993. *Tiếng chuông cảnh tỉnh cho thế kỷ XXI*. Trương Chính, Đông Hà dịch. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.
5. Lại Nguyên Ân. 2017. *150 thuật ngữ văn học*. Hà Nội: Nxb. Đại học Quốc gia.

6. Nguyễn Huy Thiệp. 1995. *Truyện ngắn chọn lọc*. Hà Nội: Nxb. Hội Nhà văn.
7. Nguyễn Thị Tịnh Thy. 2017. *Rừng khô, suối cạn, biển độc... và văn chương*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.
8. Nguyễn Trí. 2013. *Sinh nghề tử nghiệp*. <https://thanhnien.vn/van-hoa/sinh-nghe-tu-nghiep-truyen-ngan-cua-nguyen-tri-717029.html>, truy cập ngày 01/3/2021.
9. Nhiều tác giả. 2010. *Đạo Phật và môi trường*. Thích Nhuận Đạt dịch. TPHCM: Nxb. Tổng hợp TPHCM.
10. Pháp sư Tịnh Không (chọn lọc), Thích Phước Sơn (biên soạn). 2000. *Truyện cổ sự tích cứu vật phóng sinh*. TPHCM: Nxb. Tổng hợp TPHCM.
11. Quế Hương. 2004. *27 truyện ngắn Quế Hương*. Hà Nội: Nxb. Phụ nữ.
12. Sương Nguyệt Minh. 2005. *Đi qua đồng chiều*. Hà Nội: Nxb. Thanh niên.
13. Sương Nguyệt Minh. 2011. *Đêm thánh vô cùng*. Hà Nội: Nxb. Hội Nhà văn.
14. Thích Nhất Hạnh. 2014. *Tâm tình với đất mẹ*. Hà Nội: Nxb. Hồng Đức.
15. Thích Trí Siêu. 2008. *Xin cứu độ mẹ đất*. TPHCM: Nxb. Phương Đông.
16. Trần Đình Sử. 1981. *Dẫn luận thi pháp học*. Hà Nội: Nxb. Đại học Sư phạm.
17. Trần Hải Yến. 2014. “Nghiên cứu phê bình sinh thái hiện đại và di sản văn hóa: nhìn từ cách Sinh thái học tìm về Tam giáo (Phật giáo, Nho giáo, Đạo giáo)”, trong Hội thảo khoa học *Phát triển văn học Việt Nam trong bối cảnh đổi mới và hội nhập quốc tế*. Hà Nội.
18. Triệu Hoàng Giang. 2016. *Nghiệp rừng*. Tạp chí Văn nghệ Ba Bể. số 3.
19. Trí Quang (dịch). *Kinh Thủy Sám*.
20. Vernier, J. 2002. *Môi trường sinh thái*. Trương Thị Chí, Trần Chí Đạo dịch. Hà Nội: Nxb. Thế giới.
21. Viên Đường Hân, Tạ Chí Cường. 2014. *Truyện kể Phật giáo*. Hà Nội: Nxb. Thời đại.